

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG**

Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hòa Vang, ngày 16 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Y, sinh năm 1991 và bà Lê Thị T, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Tổ 1, thôn N, xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Y và bà Lê Thị T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, TP.Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông Y và bà T cùng sống chung tại thôn N, xã N, huyện H, TP.Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông Y và bà T xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau, không cùng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Y và bà T được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Lê Y và bà Lê Thị T xác nhận có 01 con chung tên là Lê M, sinh ngày 18/3/2018. Ly hôn, ông Y và bà T thỏa thuận giao con chung Lê M cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Y và bà Lê Thị T xác nhận giữa ông Y và bà T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Lê Y và bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận ông Lê Y và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Lê M, sinh ngày 18/3/2018 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Lê Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo qui định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Lê Y và bà Lê Thị T xác định không có.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Y và bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Y và bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0009048 ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Y và bà Lê Thị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng;
- (Số ĐKKH: 48 ngày 25/4/2017);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Nguyễn Ngọc Nam

